

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+P10+TD1	7:25	15+2+5	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
2		VSP02+RP3+RC4	7:25	18+4+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
3		BK16+VSP01+CTK3	7:25	5+3+14	0+0+0		4+4+14	0+0+0	
4		BK14+TD3+CNV	7:25	14+0+7	0+0+0		6+6+9	0+0+0	
5		PVD2+VSP02	9:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
6		CTK3+BK6+P2	9:25	22+0+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	CHUYEN 1 BK6 P2
7		MIRM+BK9+P9	9:25	10+9+3	0+0+0		8+9+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ DI ực trong ngày BK9: 7 người

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/04/2021	TO: BK9 - P10 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - QTrưởng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAYAPOV R.R.	BK9	16	1	3		102	D-HANH	Russian
2	VU VAN TOAN	BK9					67	D-HANH	Vietnamese
3	LE TUAN VU	BK9	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG VINH	BK9	97	1	5	20	90	KH-THAC	Vietnamese
5	TA CAO BIEN	BK9	87	1	5		65	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC PHAT	BK9	91-92	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
7	DO TRONG LUONG	BK9	89-90	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LUU QUY DUNG	BK9	93-94	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM TIEN HAI	BK9	01-02	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI NGOC HOANG	BK9	95-96	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI DINH PHI	BK9	17	1	5		65	NIPI	Vietnamese
12	VO THANH TUNG	BK9	98	1	3		70	NIPI	Vietnamese
13	LUU VAN SON	BK9					78	KH-THAC	Vietnamese
14	VO THE HAU	BK9					77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HUU TRUNG	BK9	99	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	VO CHI THANH	P10	37-39	3	17		65	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN CUONG	P10	35-36	2	18		85	DVL	Vietnamese
18	KOPYLOV V.P	TD1	80	1	10		85	KHOAN	Russian
19	BAKHMATSKIY S.V.	TD1	78	1	5	50	102	D-HANH	Russian
20	FOK S.I.	TD1	81	1	7		122	D-HANH	Russian
21	SOCHIVETS I.M.	TD1	79	1	10		107	KHOAN	Russian
22	PHAM VAN PHONG	TD1					88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

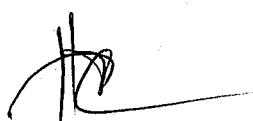
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	15	17	121	1.086	20	12		
2	P10	2	5	35	150	0	4		
3	TD1	5	4	32	504	50	6		
TOTAL		22	26	188	1.740	70	22		
WEIGHT KG				188	1.740	70			

GRAND TOAL: 1.998 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: VSP02 - RP3 - RC4	CREW: HUNG - Linh - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

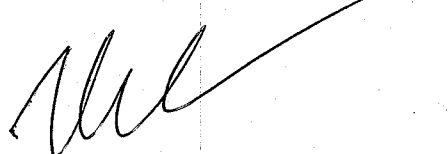
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	56-58	3	20		84	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	61	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
3	BODAN KARPENKO	VSP02	59	1	20		86	KH-THAC	Russian
4	SERGIENKO S.E	VSP02	53	1	8		79	KH-THAC	Russian
5	LE VAN HIỆP	VSP02	51	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN THE CUONG	VSP02	44	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC DONG	VSP02	46,50	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02					92	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG MINH	VSP02	55	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	43	1	11		96	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN TRUONG	VSP02	48	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN PHU	VSP02	52	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO DUC TRI	VSP02	54	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LUONG QUANG TUYEN	VSP02	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE SI KHOI	VSP02	45	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	49	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DUC	RP3	12	1	10	45	80	KH-THAC	Vietnamese
20	LE HONG LINH	RP3	11	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
21	LAI ANH TUAN	RP3	14-15	2	14	82	98	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG AN	RP3	13	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	18	20	141	1.353	0	18		
2	RP3	4	5	45	333	127	0		
3	RC4	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	25	186	1.686	127	22		
WEIGHT KG				186	1.686	127			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK16 - VSP01 - CTK3	CREW: VThắng - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG XUAN HUY	BK16	55-57	3	18		63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TRUNG	BK16	52	1	16	35	70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUY DUONG	BK16	41	1	18		68	XAYLAP	Vietnamese
4	DOAN VAN GIAP	BK16	53-54	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
5	HA VAN NIEM	BK16	58	1	5		77	PSV	Vietnamese
6	TRUONG HIEN	VSP01	80	1	5	37	85	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VIET DANG	VSP01	77	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TO VAN DUC	VSP01	78	1	5		60	VTB	Vietnamese
9	PHAM MINH CHAU	CTK3	39-40	2	13		65	THUAN TI	Vietnamese
10	LE VAN QUANG	CTK3	37-38	2	11	13	65	THUAN TI	Vietnamese
11	HOANG THANH HOA	CTK3	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN QUANG CHUNG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN TRI	CTK3	27	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VU XUAN TRUC	CTK3	30	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	34	1	6		45	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH DUC	CTK3	28	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO THE HUNG	CTK3	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VAN BAC	CTK3					52	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI TIEN DUNG	CTK3	25	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DI NH HOANG	CTK3	35	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM CONG UOC	CTK3	32-33	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	26	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
23	TRAN NGOC BINH	CTK3	42	1	4		68	DIEU PHA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	8	75	352	35	4		+1 DIEU PHAI NGOI GHE PHU
2	VSP01	3	3	18	219	37	4		
3	CTK3	15	16	76	981	13	14		
TOTAL		23	27	169	1.552	85	22		
WEIGHT KG				169	1.552	85			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: BK14 - TD3 - CNV	CREW: ĐỨC - TĐông - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AKOPOV DAVID ARTUROVICH	BK14	89	1	13		81	KH-THAC	Russian
2	LÊ ANH TUÂN	BK14	91	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CỎ	BK14	79	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG TUÂN ANH	BK14	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	88	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN DŨNG	BK14	92	1	12	50	70	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC ANH	BK14	90	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
8	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	BK14	78	1	15		83	DVL	Vietnamese
9	TRAN VIET HO	BK14	85-86	2	20		72	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	BK14	83-84	2	16		75	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN NGỌC	BK14	87	1	5		66	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIẾU	BK14	77	1	13		88	DVL	Vietnamese
13	VŨ QUỐC VIỆT	BK14	80	1	10		81	PSV	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC NINH	BK14	82	1	4		75	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HUNG	CNV	06-07	2	10		72	PVCHEM	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC HA	CNV	08-09	2	10	40	73	PVCHEM	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN SƠN	CNV	05	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TRI	CNV	04	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ QUANG HAI	CNV	10	1	20		78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	02	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	14	16	137	1.042	50	6		
2	TD3	0	0	0	0	3	6		
3	CNV	7	9	68	503	40	9		
TOTAL		21	25	205	1.545	93	21		
WEIGHT KG				205	1.545	93			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: PVD2 - VSP02	CREW: Hôi - MTHAO - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ MINH TRINH	PVD2	57	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÀO VIỆT HÙNG	PVD2	55	1	12	50	64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIEN HOANG SON	PVD2	56	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN NGOC TIEN	PVD2	60	1	9		60	DVL	Vietnamese
5	TRẦN ĐẠI HÙNG	PVD2	59	1	12		75	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIEN	PVD2	58	1	7		62	DVL	Vietnamese
7	TRẦN GIA KHANH	VSP02	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	69	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	74	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	GASUKHA	VSP02	80	1	21	30	90	ANTOAN	Russian
15	PHẠM HUY ĐÌNH	VSP02	66-67	2	15		60	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	78-79	2	10		65	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN PHÚC	VSP02	76	1	5		62	PSV	Vietnamese
18	VÔ XUÂN TOÀN	VSP02	72	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUNG	VSP02	64	1	5		80	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02	70	1	3		78	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	75	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	6	6	57	411	50	4		
2	VSP02	15	17	103	1.081	30	18		
TOTAL		21	23	160	1.492	80	22		
WEIGHT KG				160	1.492	80			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - BK6 - P2	CREW: HUNG - Linh - THU	ETA: 11:15
CAM-2			

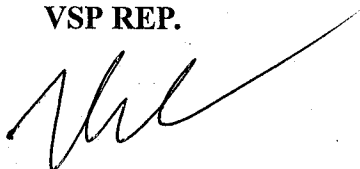
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	59	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	58	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TRUNG KIEN	CTK3	75	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	CTK3	64	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	56	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	57	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VIET HUNG	CTK3	43	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN BA	CTK3	44-45	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU VAN HAY	CTK3	49	1	13		82	XAYLAP	Vietnamese
10	HA THAI QUOC	CTK3	48	1	13		66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN THAI BINH	CTK3	46-47	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
12	HA XUAN THANH	CTK3	50	1	14	28	78	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI DUY TAN	CTK3	51-52	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
14	DUONG DANG CUONG	CTK3	53-55	3	15		72	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM HOANG LONG	CTK3	68-69	2	15		80	NIPI	Vietnamese
16	TRAN VAN HIEU	CTK3	67	1	6		80	NIPI	Vietnamese
17	LE VAN NHIU	CTK3	63	1	7		53	TRUONG V	Vietnamese
18	VO DINH HA	CTK3	66	1	10	25	60	TRUONG V	Vietnamese
19	HUYNH VAN HANH	CTK3	65	1	11		81	TRUONG V	Vietnamese
20	HUYNH VAN AI	CTK3	61-62	2	16		52	TRUONG V	Vietnamese
21	LUU VAN BINH	CTK3	60	1	8		79	TRUONG V	Vietnamese
22	DINH QUANG HOAN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	28	206	1.573	53	19		CHUYEN 1 PAX BK6 SANG P2
2	BK6	0	0	0	0	30	1	1	
3	P2	0	0	0	0	10	2		
TOTAL		22	28	206	1.573	93	22		
WEIGHT KG				206	1.573	93			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

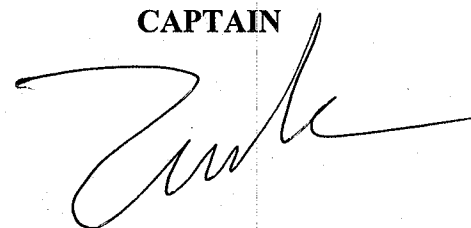
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	TO: MRM - BK9 - P9	CREW: VThắng - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOTIKOV ALEXEY	MRM	76	1	8	70	100	AMNGR	Russian
2	TSVETKOV OLEG	MRM	79	1	5		110	AMNGR	Russian
3	SACHOK VALERII	MRM	86	1	15		83	AMNGR	Russian
4	SIANOV ALEKSANDR	MRM	81-82	2	22		83	AMNGR	Russian
5	KOSTENKO EVGENY	MRM	77-78	2	12		87	AMNGR	Russian
6	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	87	1	10		78	AMNGR	Russian
7	BUI MANH PHUC	MRM	88	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	80	1	14		83	KHOAN	Vietnamese
9	DAO VIET VAN	MRM	85	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
10	TONG VAN THE	MRM	83-84	2	19		72	SCHLUMB	Vietnamese
11	ĐÀO ĐỨC THẮNG	BK9	89	1	6	20	67	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MINH HAI	BK9	85	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN KHÁC THẮNG	BK9	88	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LẠC	BK9	32	1	12		93	XAYLAP	Vietnamese
15	HA VĂN PHONG	BK9	84	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ĐỨC KHANH	BK9					60	PSV	Vietnamese
17	LY BANG	BK9	86-87	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN ANH	P9	98	1	11	15	78	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN QUY DUNG	P9	95	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC TUYẾN	P9	96-97	2	22		87	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	13	119	838	70	8		
2	BK9	7	7	50	483	20	9		
3	P9	3	4	45	229	15	5		
TOTAL		20	24	214	1.550	105	22		
WEIGHT KG				214	1.550	105			

GRAND TOTAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+PVD2+RP2	7:25	2+13+4	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
2		PVD2+CLO	9:25	14+0	0+0		18+4	0+0	CHUYEN GAP 4 DVL PVD2-CLO

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: PVD2 - CLO	CREW: Vận - Dương - HIẾU	ETA: 11:40
XANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHUONG	PVD2	06	1	7		67	XNK&SG	Vietnamese
2	TA NGOC HA	PVD2	14	1	3		70	XNK&SG	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THUY	PVD2	03	1	5		57	XNK&SG	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LINH	PVD2	10	1	4		67	XNK&SG	Vietnamese
5	LE VAN BAO	PVD2	11	1	11		57	XN DVL	Vietnamese
6	BUI THAI QUY	PVD2	15	1	9		77	XNK&SG	Vietnamese
7	LE HAI NGAN	PVD2	12	1	10		55	XNK&SG	Vietnamese
8	BUI QUANG TUYNH	PVD2	16	1	6		53	XNK&SG	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TINH	PVD2	17	1	10		77	XNK&SG	Vietnamese
10	PHAM THAI BAO	PVD2	04-05	2	15		72	XNK&SG	Vietnamese
11	PHAM VAN HUYEN	PVD2	08-09	2	15		62	XNK&SG	Vietnamese
12	BUI VAN LOI	PVD2	13	1	10		78	XNK&SG	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC MAI	PVD2	07	1	9		80	PSV	Vietnamese
14	HOANG DUC BANG	PVD2	02	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	14	16	121	937	0	18+4		CHUYEN 4 PAX PVD2 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		14	16	121	937	0	22		
WEIGHT KG				121	937	0			

GRAND TOAL: 1.058 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD5 - PVD2 - RP2	CREW: Vận - Dương - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

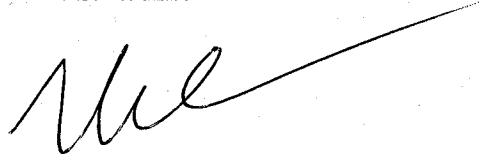
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAKHMATULLIN RINAI	TD5	04	1	7		78	KHOAN	Russian
2	SVYATOKHO VYACHESLAV	TD5	05	1	7		80	NIPI	Russian
3	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD2	77	1	7	23	120	XNK&SG	American
4	VU THANH PHONG	PVD2	76	1	14		76	XNK&SG	Vietnamese
5	NGUYEN HUU THANH	PVD2	65	1	5		80	XNK&SG	Vietnamese
6	TRAN HUY NINH	PVD2	70	1	6		57	XNK&SG	Vietnamese
7	TO TRINH DUC	PVD2	69	1	10		76	XNK&SG	Vietnamese
8	PHAN VAN KHOA	PVD2	72	1	5		53	XNK&SG	Vietnamese
9	PHAM NGOC HAI	PVD2	74	1	9		70	XNK&SG	Vietnamese
10	TRAN TUAN NGHIA	PVD2	66	1	5		63	XNK&SG	Vietnamese
11	BUI VAN CHUONG	PVD2	67	1	10		75	XNK&SG	Vietnamese
12	DAO QUANG DUNG	PVD2	71	1	5		55	XNK&SG	Vietnamese
13	TRAN VAN LIEM	PVD2	68	1	7		60	XNK&SG	Vietnamese
14	LE NGOC HOA	PVD2	75	1	5		76	XNK&SG	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC LAM	PVD2	73	1	6		61	XNK&SG	Vietnamese
16	VU MINH ĐỨC	RP2	33	1	16	30	95	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN TRƯỞNG	RP2	30-31	2	14		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH BÌNH	RP2	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RP2	32	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

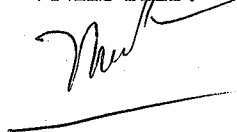
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	2	14	158	0	0		
2	PVD2	13	13	94	922	23	17		
3	RP2	4	5	44	296	30	5		
TOTAL		19	20	152	1.376	53	22		
WEIGHT KG				152	1.376	53			

GRAND TOAL: 1.581 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

